

Số: 2366 /QĐ-BNNMT

Hà Nội, ngày 26 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế tổ chức quản lý Chương trình khoa học và công nghệ
phục vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 quy định về cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; số 88/2025/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2025 quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 193/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 (sau đây gọi tắt là Quyết định số 263/QĐ-TTg);

Căn cứ Quyết định số 923/QĐ-TTg ngày 02 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 (sau đây gọi tắt là Quyết định số 923/QĐ-TTg);

Căn cứ các Thông tư của Bộ Khoa học và Công nghệ: Số 05/2014/TT-BKHCN ngày 10 tháng 4 năm 2014 ban hành mẫu hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (sau đây gọi tắt là Thông tư số 05/2014/TT-BKHCN); số 11/2014/TT-BKHCN ngày 30 tháng 5 năm 2014 quy định việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện các nhiệm vụ KHCN cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước (sau đây gọi tắt là Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN); số 14/2014/TT-

BKHCN ngày 11 tháng 6 năm 2014 quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ KHCN (sau đây gọi tắt là Thông tư số 14/2014/TT-BKHCN); số 04/2015/TT-BKHCN ngày 11 tháng 3 năm 2015 quy định việc kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh và chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước (sau đây gọi tắt là Thông tư số 04/2015/TT-BKHCN); số 05/2015/TT-BKHCN ngày 12 tháng 3 năm 2015 quy định tổ chức quản lý các chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia (sau đây gọi tắt là Thông tư số 05/2015/TT-BKHCN); số 02/2023/TT-BKHCN ngày 08 tháng 5 năm 2023 hướng dẫn một số nội dung chuyên môn phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước (sau đây gọi tắt là Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN); số 04/2023/TT-BKHCN ngày 15 tháng 5 năm 2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia (sau đây gọi tắt là Thông tư số 04/2023/TT-BKHCN); số 06/2023/TT-BKHCN ngày 25 tháng 5 năm 2023 quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ KHCN cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước (sau đây gọi tắt là Thông tư số 06/2023/TT-BKHCN); số 20/2023/TT-BKHCN ngày 12 tháng 10 năm 2023 của quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước (sau đây gọi tắt là Thông tư số 20/2023/TT-BKHCN);

Căn cứ các Thông tư của Bộ Tài chính: Số 03/2023/TT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2023 quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; số 65/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 9 năm 2024 sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 2 Thông tư số 03/2023/TT-BTC; số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách Nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 (sau đây gọi tắt là Thông tư số 55/2023/TT-BTC);

Căn cứ các Thông tư của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Số 05/2022/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 7 năm 2022 hướng dẫn một số nội dung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (sau đây gọi tắt là Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT); số 07/2024/TT-BNNPTNT ngày 31 tháng 5 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT (sau đây gọi tắt là Thông tư số 07/2024/TT-BNNPTNT);

Căn cứ các Quyết định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường): Số 4454/QĐ-BNN-VPĐP ngày 15

tháng 11 năm 2022 về việc ban hành Kế hoạch triển khai Quyết định số 923/QĐ-TTg ngày 02 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; số 3347/QĐ-BNN-VPĐP ngày 03 tháng 10 năm 2024 về việc giao chủ trì, tổ chức ký hợp đồng, thanh lý hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng, Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức quản lý Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

Điều 2. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Chánh Văn phòng Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương, Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan thuộc Bộ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Phó TTgCP Trần Hồng Hà (để b/c);
- Bộ trưởng Đỗ Đức Duy (để b/c)
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: TC, KH-CN (để p/h);
- Lưu: VT, VPĐP.



KT. BỘ TRƯỞNG
VĂN PHÒNG



Trần Thanh Nam

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

**Quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình khoa học và công nghệ
phục vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025**
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BNNMT ngày tháng 6 năm 2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 (sau đây gọi tắt là Chương trình) theo Quyết định số 923/QĐ-TTg.

2. Đối tượng áp dụng

Áp dụng đối với các cơ quan nhà nước, các tổ chức và cá nhân có liên quan tham gia quản lý, thực hiện Chương trình.

Điều 2. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc Chương trình

Nhiệm vụ khoa học và công nghệ (sau đây gọi tắt là nhiệm vụ KHCN) là các đề tài KHCN, dự án KHCN, dự án sản xuất thử nghiệm, được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo các nội dung của Chương trình tại Mục II Điều 1 Quyết định số 923/QĐ-TTg.

Nhiệm vụ KHCN đảm bảo tối thiểu 80% mô hình phát triển kinh tế nông nghiệp và nông thôn được triển khai trong Chương trình có sự liên kết đa ngành, liên kết theo chuỗi giá trị và hợp tác công tư; tối thiểu 25% mô hình triển khai trong Chương trình được thực hiện ở các xã đặc biệt khó khăn, huyện nghèo, các địa phương chưa đạt chuẩn nông thôn mới, góp phần đẩy nhanh tiến độ đạt được các chỉ tiêu, tiêu chí thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới, thu hẹp khoảng cách giữa các vùng miền. Các giải pháp khoa học, ứng dụng công nghệ đảm bảo tăng hiệu quả kinh tế tối thiểu 15%, đồng thời thích ứng với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường; ít nhất 70% mô hình triển khai trong Chương trình được các địa phương tiếp tục triển khai, nhân rộng.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình

1. Quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình thực hiện theo quy định tại Quyết định số 923/QĐ-TTg; bám sát định hướng chỉ đạo của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường (sau đây gọi tắt là Bộ trưởng); thực hiện đúng theo quy định pháp luật về KHCN, Quy chế quản lý, điều hành thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

2. Nguyên tắc lựa chọn nhiệm vụ KHCN của Chương trình

a) Nhiệm vụ KHCN đáp ứng quy định tương ứng tại Điều 2 của Quy chế này. Mục tiêu của nhiệm vụ KHCN phải rõ ràng và được định lượng, có tác động tích cực, trực tiếp tới việc thúc đẩy xây dựng nông thôn mới hiệu quả, đảm bảo chất lượng và bền vững; thúc đẩy phát triển kinh tế nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn; góp phần nâng cao chất lượng đời sống vật chất và tinh thần của người dân nông thôn.

b) Nhiệm vụ KHCN không trùng lặp về nội dung với các nhiệm vụ KHCN thuộc Chương trình đã thực hiện trong giai đoạn trước, các nhiệm vụ KHCN sử dụng ngân sách nhà nước đã và đang thực hiện. Riêng đối với nhiệm vụ KHCN kế thừa từ các nhiệm vụ KHCN đã thực hiện, nêu rõ kết quả đã có và những vấn đề còn tồn tại cần giải quyết tiếp.

c) Sản phẩm của nhiệm vụ KHCN phải có cơ quan, đơn vị tiếp nhận, có địa chỉ ứng dụng và có khả năng áp dụng rộng rãi để phục vụ xây dựng nông thôn mới ở địa phương thực hiện cũng như các địa bàn khác có điều kiện tương tự.

3. Kinh phí đối ứng thực hiện các nhiệm vụ KHCN phải đảm bảo theo quy định tại Điều 93, Thông tư số 55/2023/TT-BTC.

4. Các nhiệm vụ KHCN được ưu tiên

a) Các nhiệm vụ KHCN do các địa phương đề xuất đặt hàng xuất phát từ yêu cầu thực tiễn, trực tiếp giải quyết những vấn đề cấp thiết gắn với tính đặc thù và phù hợp với điều kiện của các địa phương, huy động được sự tham gia của các bộ, ngành trung ương để giúp các địa phương; phát huy vai trò chủ thể của cộng đồng, người dân tham gia thực hiện; xây dựng các phong trào, mô hình khởi nghiệp sáng tạo trong nông thôn... Chú trọng triển khai nhiệm vụ KHCN có tính mới, khả năng ứng dụng và tính lan tỏa cao trong thực tiễn, phù hợp để phát triển và nhân rộng; ưu tiên các nhiệm vụ KHCN ứng dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ cao, thân thiện với môi trường...

Đối với các nhiệm vụ KHCN do bộ, cơ quan trung ương đề xuất thì chỉ xem xét những nhiệm vụ KHCN về xây dựng cơ chế, chính sách trong quản lý, hỗ trợ thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 và các giai đoạn tiếp theo; những nhiệm vụ KHCN đột xuất, phát sinh theo đặt hàng của Lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025, Lãnh đạo Bộ Nông nghiệp và Môi trường nhưng không trùng lặp về nội dung với các nhiệm vụ KHCN thuộc Chương trình đã thực hiện trong giai đoạn trước, các nhiệm vụ KHCN sử dụng ngân sách nhà nước đã và đang thực hiện

Đối với các nhiệm vụ KHCN do các tổ chức, cá nhân khác đề xuất, do Bộ trưởng xem xét, chỉ đạo cụ thể.

b) Các nhiệm vụ KHCN là dự án KHCN huy động được nguồn kinh phí của địa phương, doanh nghiệp, kinh phí ngoài ngân sách để thực hiện có tỉ lệ cao hơn so với quy định.

c) Có khả năng huy động các tổ chức KHCN, doanh nghiệp, các nhà khoa học trong nước và nước ngoài thực hiện. Khuyến khích các nhiệm vụ KHCN có sự tham gia của doanh nghiệp hoặc doanh nghiệp trực tiếp chủ trì các đề tài, dự án, có sự tham gia chuyển giao KHCN của các cơ quan nghiên cứu.

5. Cơ chế tham mưu quản lý, thực hiện Chương trình bảo đảm phân công rõ tổ chức chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng trong quản lý thực hiện Chương trình và có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan tổ chức liên quan thuộc Bộ; bảo đảm tổ chức kiểm tra, giám sát đánh giá, chế độ báo cáo tình hình triển khai thực hiện Chương trình định kỳ và đột xuất theo quy định và theo yêu cầu của Bộ trưởng. Giao Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương là cơ quan đầu mối tiếp nhận các nhiệm vụ KHCN và tham mưu triển khai thực hiện Chương trình. Thông tin về Chương trình, nhiệm vụ KHCN thuộc Chương trình được thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố theo quy định hiện hành.

Chương II

QUẢN LÝ, TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Điều 4. Quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình

1. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường giao đồng chí Thứ trưởng (được phân công chỉ đạo Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025) trực tiếp chỉ đạo, điều hành tổ chức thực hiện Chương trình và chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng, trước pháp luật về các vấn đề liên quan đến công tác quản lý, tổ chức triển khai thực hiện Chương trình (sau đây gọi tắt là Thứ trưởng phụ trách).

2. Các cơ quan tham mưu quản lý, thực hiện Chương trình

a) Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương là cơ quan được giao chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan, tham mưu, giúp Bộ trưởng và Thứ trưởng phụ trách trong việc tổ chức, quản lý và triển khai thực hiện Chương trình; chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng về chất lượng tham mưu, hiệu quả tổ chức thực hiện theo quy định của pháp luật và việc hoàn thành các mục tiêu của Chương trình đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

b) Vụ Khoa học và Công nghệ là cơ quan phối hợp với Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương tham mưu giúp Bộ trưởng quản lý nhà nước về nhiệm vụ KHCN của Chương trình, xử lý tài sản hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ KHCN của Chương trình.

c) Vụ Kế hoạch - Tài chính là cơ quan phối hợp với Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương tham mưu giúp Bộ trưởng quản lý nhà nước về tài chính thực hiện nhiệm vụ KHCN của Chương trình.

d) Các tổ chức, cá nhân được giao chủ trì, thực hiện các nhiệm vụ KHCN của Chương trình theo các quy định về triển khai thực hiện các nhiệm vụ KHCN có sử dụng vốn ngân sách nhà nước.

đ) Các cơ quan, đơn vị có liên quan trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường thực hiện chức năng, nhiệm vụ KHCN được Bộ giao.

Điều 5. Trách nhiệm của các cơ quan tham mưu quản lý, thực hiện Chương trình

1. Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan xây dựng kế hoạch, dự toán ngân sách, tổng hợp, đề xuất phương án phân bổ vốn thực hiện Chương trình hàng năm, trình Bộ trưởng để gửi Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ tổng hợp theo quy định.

b) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan trong việc tham mưu, trình Bộ ban hành văn bản thông báo đến các bộ, ngành trung ương và địa phương về việc đề xuất nhiệm vụ KHCN thuộc Chương trình; ban hành văn bản thông báo kết quả xác định nhiệm vụ KHCN đặt hàng của Chương trình đến các bộ, ngành, địa phương có đề xuất; công bố công khai danh mục các nhiệm vụ KHCN đã được phê duyệt để tuyển chọn tổ chức, cá nhân thực hiện theo quy định; hướng dẫn các tổ chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ hoàn thiện thuyết minh theo kết luận của Hội đồng tư vấn tuyển chọn tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ KHCN của Chương trình (sau đây gọi tắt là Hội đồng tuyển chọn), kết luận của Tổ thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ KHCN thuộc Chương trình (sau đây gọi tắt là Tổ thẩm định kinh phí) và ý kiến thẩm định của các cơ quan tham mưu quản lý, thực hiện Chương trình.

c) Căn cứ ngân sách nhà nước hàng năm được cấp có thẩm quyền thông báo, Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương tổng hợp trình Bộ (qua Vụ Kế hoạch - Tài chính) phương án phân bổ kinh phí cho các nhiệm vụ KHCN thuộc Chương trình và kinh phí chi tổ chức quản lý, hoạt động chung của Chương trình.

d) Chủ trì, tổ chức các phiên họp Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ KHCN, Hội đồng tuyển chọn và Tổ thẩm định kinh phí; Hội đồng, tổ chuyên gia tư vấn đánh giá, nghiệm thu kết quả của các nhiệm vụ KHCN và các Hội đồng tư vấn khác (nếu có).

đ) Chủ trì, tổ chức ký kết, thanh lý hợp đồng với các tổ chức chủ trì, chủ nhiệm thực hiện nhiệm vụ KHCN (kèm theo thuyết minh chi tiết nhiệm vụ KHCN đã được phê duyệt). Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương được sử dụng con dấu, mã số thuế, tài khoản mở tại Kho bạc Nhà nước thành phố Hà Nội của đơn vị để thực hiện việc ký kết, thanh lý hợp đồng với các tổ chức chủ trì, chủ nhiệm thực hiện nhiệm vụ KHCN thuộc Chương trình.

e) Chủ trì, tổ chức thẩm định, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu tổng thể đối với các nội dung công việc phải thực hiện đấu thầu của các nhiệm vụ KHCN thuộc Chương trình theo quy định.

g) Chủ trì, tham mưu, xây dựng Kế hoạch kiểm tra, đánh giá theo dõi, đôn đốc quá trình thực hiện nhiệm vụ KHCN của Chương trình theo quy định.

h) Xây dựng các báo cáo định kỳ, đột xuất về Chương trình; tổ chức sơ kết, tổng kết kết quả thực hiện Chương trình theo kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt và theo quy định; đề xuất khen thưởng các tổ chức, cá nhân có thành tích và xử lý hành vi vi phạm của tổ chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ KHCN thuộc Chương trình trong quá trình thực hiện, theo thẩm quyền.

i) Chủ trì, phối hợp với Vụ Khoa học và Công nghệ

- Tổng hợp, rà soát danh mục đề xuất, đặt hàng nhiệm vụ KHCN thuộc Chương trình của bộ, ngành trung ương, địa phương và các đơn vị; tham mưu, báo cáo Lãnh đạo Bộ danh mục đề xuất các nhiệm vụ KHCN ưu tiên thực hiện thuộc Chương trình; tổng hợp, rà soát hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ KHCN theo quy định; tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện của nhiệm vụ KHCN thuộc Chương trình theo quy định.

- Trình Bộ quyết định thành lập Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ KHCN; Hội đồng tuyển chọn và Tổ thẩm định kinh phí; Hội đồng, tổ chuyên gia tư vấn đánh giá, nghiệm thu kết quả của các nhiệm vụ KHCN thuộc Chương trình và các Hội đồng tư vấn khác (nếu có).

- Trình Bộ trưởng quyết định danh mục đặt hàng nhiệm vụ KHCN thuộc Chương trình.

- Trình Bộ trưởng phê duyệt tổ chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ, kinh phí, phương thức khoán chi và thời gian thực hiện nhiệm vụ.

- Tham mưu cho Bộ thực hiện công tác điều chỉnh trong quá trình thực hiện và chấm dứt thực hiện nhiệm vụ KHCN thuộc Chương trình trước thời hạn theo quy định.

- Xử lý tài sản hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ KHCN của Chương trình theo quy định.

- Trình Bộ quyết định công nhận kết quả nhiệm vụ KHCN thuộc Chương trình theo quy định.

- Tổ chức bàn giao kết quả, sản phẩm của nhiệm vụ KHCN thuộc Chương trình cho đơn vị sử dụng sau khi có Quyết định công nhận kết quả của Bộ trưởng theo quy định.

k) Phối hợp với Vụ Kế hoạch - Tài chính giao dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ cho các tổ chức chủ trì thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường; quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ KHCN của Chương trình với các tổ chức chủ trì, chủ nhiệm theo quy định.

l) Chủ trì, phối hợp với Vụ Khoa học và Công nghệ, Vụ Kế hoạch - Tài chính
- Thẩm định, phê duyệt thuyết minh, dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ KHCN thuộc Chương trình.

- Tổ chức mở, kiểm tra và xác nhận tính hợp lệ của hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn thực hiện nhiệm vụ KHCN thuộc Chương trình.

- Tổ chức kiểm tra định kỳ, đột xuất tình hình thực hiện nhiệm vụ KHCN; xử lý vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình; tổng hợp kết quả kiểm tra, đánh giá, theo dõi, đôn đốc và báo cáo Bộ.

m) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân công của Bộ trưởng và Thứ trưởng phụ trách.

2. Vụ Khoa học và Công nghệ

a) Phối hợp với Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại Điểm i Khoản 1 Điều này.

b) Phối hợp với Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương, Vụ Kế hoạch - Tài chính thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại Điểm 1 Khoản 1 Điều này.

c) Cử cán bộ phối hợp với Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại Điểm 1 Khoản 1 Điều này.

d) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân công của Bộ trưởng và Thứ trưởng phụ trách.

3. Vụ Kế hoạch - Tài chính

a) Phối hợp với Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại Điểm k Khoản 1 Điều này.

b) Phối hợp với Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương, Vụ Khoa học và Công nghệ thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại Điểm 1 Khoản 1 Điều này.

c) Trình Bộ giao dự toán cho các tổ chức chủ trì thuộc Bộ; trình Bộ giao dự toán cho Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương (đối với các tổ chức chủ trì không thuộc Bộ và kinh phí chi tổ chức quản lý, hoạt động chung của Chương trình).

d) Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương và các đơn vị có liên quan thẩm tra, xét duyệt quyết toán (quyết toán theo niên độ, quyết toán hoàn thành) nhiệm vụ KHCN của Chương trình.

đ) Cử cán bộ phối hợp với Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại Điểm 1 Khoản 1 Điều này.

e) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân công của Bộ trưởng và Thứ trưởng phụ trách.

4. Các cơ quan, đơn vị có liên quan trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường phối hợp với Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ được Bộ giao.

Điều 6. Quyền hạn và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân được giao chủ trì thực hiện nhiệm vụ KHCN

1. Tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ KHCN

a) Chịu trách nhiệm thực hiện và quản lý có hiệu quả các nhiệm vụ KHCN được giao. Trong trường hợp nhiệm vụ KHCN được đánh giá ở mức “không đạt” phải có trách nhiệm hoàn trả kinh phí thực hiện theo quy định.

b) Chịu trách nhiệm về nội dung thuyết minh và dự toán kinh phí của các nhiệm vụ KHCN đáp ứng được mục tiêu, tạo ra được sản phẩm theo quyết định phê duyệt.

c) Trực tiếp thực hiện việc triển khai các hoạt động KHCN để đạt được mục tiêu, sản phẩm đạt hàng, bảo đảm đúng thời gian quy định.

d) Cử lãnh đạo cơ quan tham gia đầy đủ các cuộc họp liên quan đến việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ KHCN theo đề nghị của Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương. Trong trường hợp bất khả kháng, cử người có thẩm quyền tham dự (bằng văn bản) và chịu trách nhiệm về việc cử người.

đ) Được hưởng quyền lợi về bản quyền tác giả đối với công trình KHCN do mình quản lý theo quy định của pháp luật và được sử dụng kinh phí quản lý nhiệm vụ KHCN theo quy định.

e) Báo cáo định kỳ hoặc đột xuất (khi có yêu cầu) về kết quả thực hiện nhiệm vụ KHCN theo quy định.

g) Báo cáo tình hình sử dụng kinh phí theo quy định hiện hành và chịu trách nhiệm cung cấp đầy đủ tài liệu cho công tác thanh tra, kiểm tra và kiểm toán khi có yêu cầu.

h) Báo cáo kết quả nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ KHCN theo quy định.

i) Chịu trách nhiệm trước pháp luật và Bộ trưởng về tính hợp lý, hợp pháp về kết quả và sử dụng kinh phí được giao thực hiện các hoạt động KHCN thuộc Chương trình.

2. Chủ nhiệm nhiệm vụ KHCN

a) Xây dựng và hoàn thiện thuyết minh nhiệm vụ KHCN; thực hiện các nội dung của nhiệm vụ KHCN theo thuyết minh đã được phê duyệt và hợp đồng đã ký kết; sử dụng kinh phí được giao theo đúng quy định của pháp luật.

b) Báo cáo đầy đủ, đúng yêu cầu, đúng thời hạn về nội dung, tiến độ thực hiện, sản phẩm tạo ra và tình hình sử dụng kinh phí của nhiệm vụ KHCN.

c) Kiểm tra, đôn đốc các tổ chức, cá nhân tham gia phối hợp trong việc thực hiện nhiệm vụ KHCN theo hợp đồng. Thực hiện báo cáo định kỳ (02 lần/năm),